

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	7.9%	171.3%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	25.2%	-	-7.9%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	19.2%	-	11.6%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	19.2%	199.9%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	3.0%	-	29.8%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	4.4%	39.4%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	48.8%	70.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	131.4%	159.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	9.4%	76.9%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	56.5%	174.5%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	14.4%	-	125.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	15.7%	47.1%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	28.7%	66.3%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	21.0%	99.2%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	1.8%	-	19.5%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	4.2%	-	39.2%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã SAM và LAF đã đạt giá mục tiêu.

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	-5.4%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	21.4%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	7.1%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	22.5%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	70.7%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	26.8%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	60.4%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	176.5%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	35.8%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	51.4%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	7.4%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	51.6%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	42.4%
BCG*	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	68.8%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	84.8%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	49.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	27.1%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	22.1%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-6.2%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	-0.6%

GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	18.7%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	10.0%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	9.8%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	114.1%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	49.7%
CNG*	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	75.7%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	55.5%
SAM*	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	78.9%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	51.0%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	62.9%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	29.0%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	113.9%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	101.2%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	197.1%
DRI*	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	218.5%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500
CEO	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường mở cửa tích cực và sau đó có thời điểm giảm nhẹ xuống dưới tham chiếu nhưng đã ngay lập tức bật lên trở lại và duy trì đà tăng cho đến hết phiên.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía tăng với số lượng mã tăng vượt trội trên toàn thị trường. Tác động tích cực nhất đến VNINDEX là VCB, GAS, MSN, NVL... trong khi ở chiều ngược lại, tác động từ những cái tên đứng đầu như HVN, PDR, PLX, VRE, HPX... là không quá đáng kể.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 28/10/2021: (1) Biên độ dao động trung bình, mở cửa cao hơn tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất ngày, đóng cửa cao mở cửa và sát mức cao nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và cao hơn trung bình.

⇒ Một chút áp lực bán được hấp thụ hết trong buổi sáng và thị trường sau đó tăng nhẹ nhàng. Xu hướng tăng được duy trì.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,360 – 1,380
Kháng cự	1,470 – 1,480

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP – HVN VN

Sở GDCK Tp.HCM (HoSE) vừa ban hành quyết định chuyển cổ phiếu HVN của Vietnam Airlines từ diện cảnh báo sang diện kiểm soát từ ngày 3/11. Cổ phiếu HVN theo đó sẽ bị hạn chế thời gian giao dịch, chỉ được phép giao dịch trong phiên chiều.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – CTG VN

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank - mã chứng khoán: CTG) vừa công bố kết quả kinh doanh quý 3/2021. Theo đó, lợi nhuận trước thuế quý 3/2021 của ngân hàng đạt 3.060 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận trước thuế của VietinBank đạt 13.910 tỷ đồng, tăng 34,2% so với cùng kỳ năm trước.

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, cho vay khách hàng tại VietinBank đạt 1.084 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 6,8% so với đầu năm.

CTCP Đông Hải Bến Tre – DHC VN

Dohaco (HoSE: DHC) công bố BCTC hợp nhất quý III với doanh thu thuần 948,5 tỷ đồng, tăng 35%; giá vốn tăng mạnh hơn nên lợi nhuận gộp tăng 24% đạt 132 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 15,2% về 14%.

Doanh thu tài chính tăng từ 1,6 tỷ lên 6 tỷ, chi phí tài chính giảm 63% xuống 3,3 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng 22%, chi phí quản lý tăng 140%. Lợi nhuận sau thuế tăng 28% so với cùng kỳ năm trước đạt 87,6 tỷ đồng. Dù vậy, kết quả này giảm đáng kể cho với 3 quý liền trước.

CTCP Tập đoàn Masan – MSN VN

Tập đoàn Masan (MSN vừa công bố tình hình kinh doanh quý 3/2021 với doanh thu 23.605 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ. Khấu trừ chi phí, lợi nhuận ròng quý 3/2021 đạt 1.147 tỷ đồng, tăng 35% so với quý 3/2020. Song song, biên EBITDA trong quý 3/2021 tăng 406 điểm cơ bản so với quý 3/2020.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, MSN ghi nhận doanh thu thuần đạt 64.801 tỷ đồng, tăng trưởng 16,5% so với mức 55.618 tỷ đồng vào cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ ở hầu hết các mảng kinh doanh. Cụ thể, mảng tiêu dùng MCH tăng 14,3%; Masan MEATLife tăng 32,8%; và MHT tăng 89,3%. Theo đó, lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông của Công ty (NPAT-Post MI) trong 9 tháng đầu năm 2021 tăng 119,5%, đạt mức 2.126 tỷ đồng. Trong kỳ, EBITDA hợp nhất của Masan tăng 70,3% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 11.070 tỷ đồng, biên EBITDA đạt 17,1% so với 11,7% của cùng kỳ năm 2020.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
NHT	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	29/10/2021	29/10/2021	29/10/2021
OGC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên lần 2 năm 2021			29/10/2021
TCO	HSX	ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2021	29/10/2021	1/11/2021	27/11/2021
GEG	HSX	Đã phát hành 5.423.504 cp ESOP	29/10/2021	29/10/2021	29/10/2021
TVB	HSX	Giao dịch 2.605.990 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			29/10/2021
SVC	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021	29/10/2021	1/11/2021	29/10/2021
DTP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	29/10/2021	1/11/2021	15/11/2021
CKA	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	29/10/2021	1/11/2021	29/10/2021
FHS	Upcom	Trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 40%)	29/10/2021	1/11/2021	29/10/2021
PVB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	29/10/2021	1/11/2021	10/11/2021
L61	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	29/10/2021	1/11/2021	29/10/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

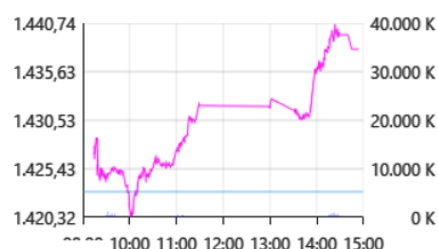
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,438.01	1.05%	14.99	865.43	26,186.5	295	58	138
Vn30 - Index	1,529.26	0.84%	12.80	206.85	9,759.6	20	3	7
Vn - Mid	1,833.48	0.99%	18.03	270.31	8,344.0	45	3	22
VN - Small	1,896.05	1.16%	21.82	218.42	4,564.9	111	24	54
HNX - Index	411.07	1.66%	6.70	161.21	3,938.7	141	58	138
Upcom - Index	104.28	1.57%	1.61	116.70	2,389.6	230	59	113

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

VN-INDEX



VN30



VN-MID



VN-SMALL



HNX-INDEX



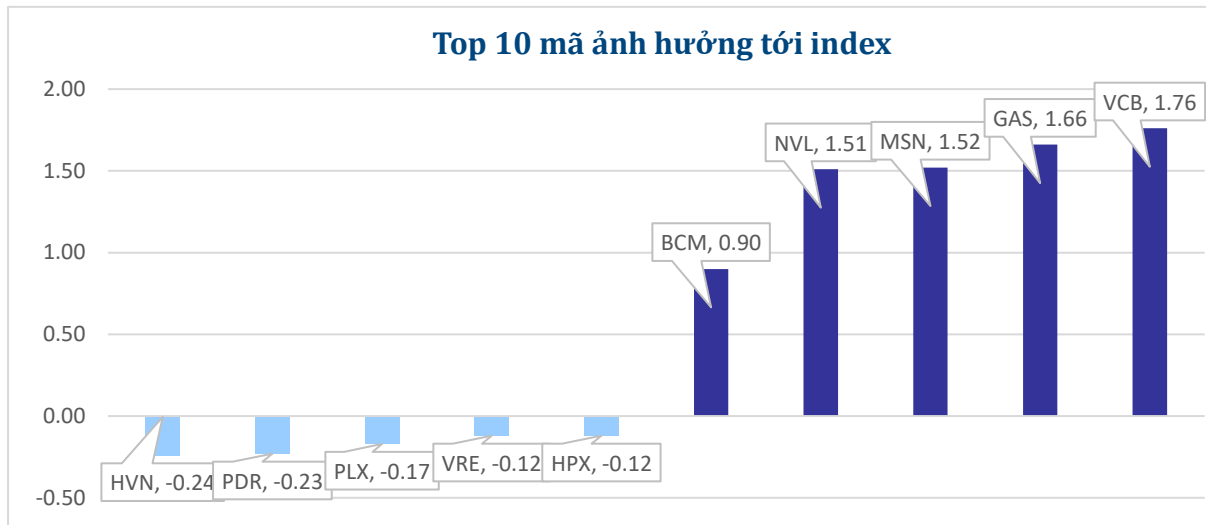
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	26,186.50	-7.73%	865.43	-7.56%
HNX	3,938.70	28.54%	161.21	20.28%

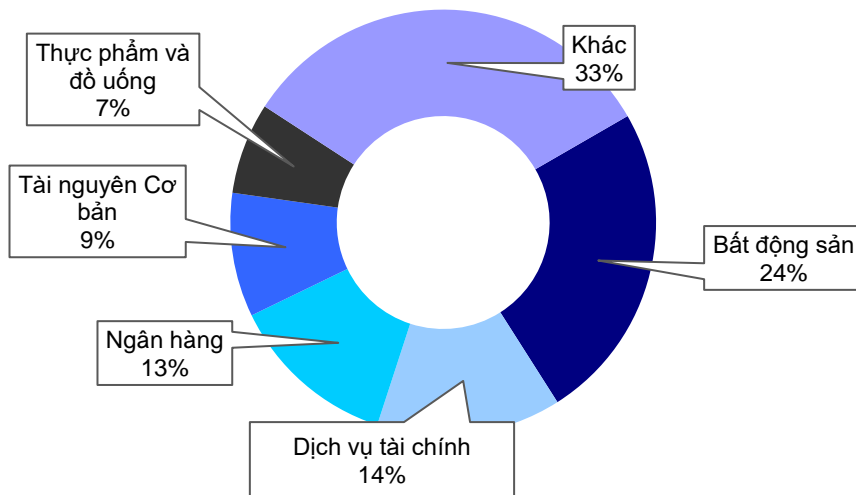
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



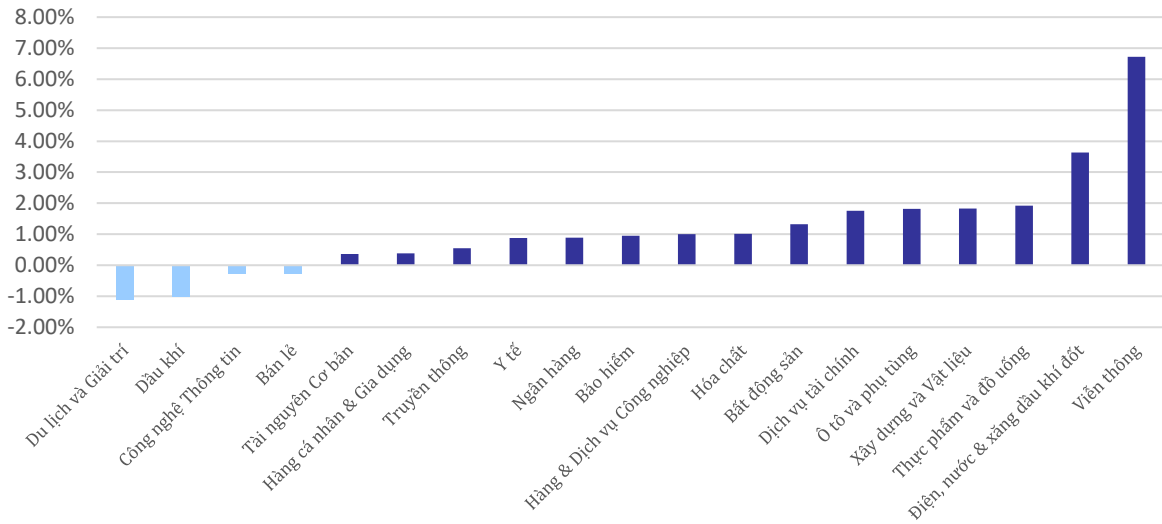
Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
POW	28.32	HPG	1,266.7	NVL	301%	HUT	9.6%	C32	-5.8%
HQC	23.52	VND	943.0	HAG	274%	IDC	8.3%	BII	-5.6%
HPG	21.92	NVL	816.9	VND	262%	PAN	7.0%	HPX	-4.3%
HAG	20.26	TCB	716.6	SBT	257%	DPG	6.8%	HQC	-3.7%
VND	16.95	KBC	600.1	VGC	251%	DIG	6.1%	PVT	-2.7%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

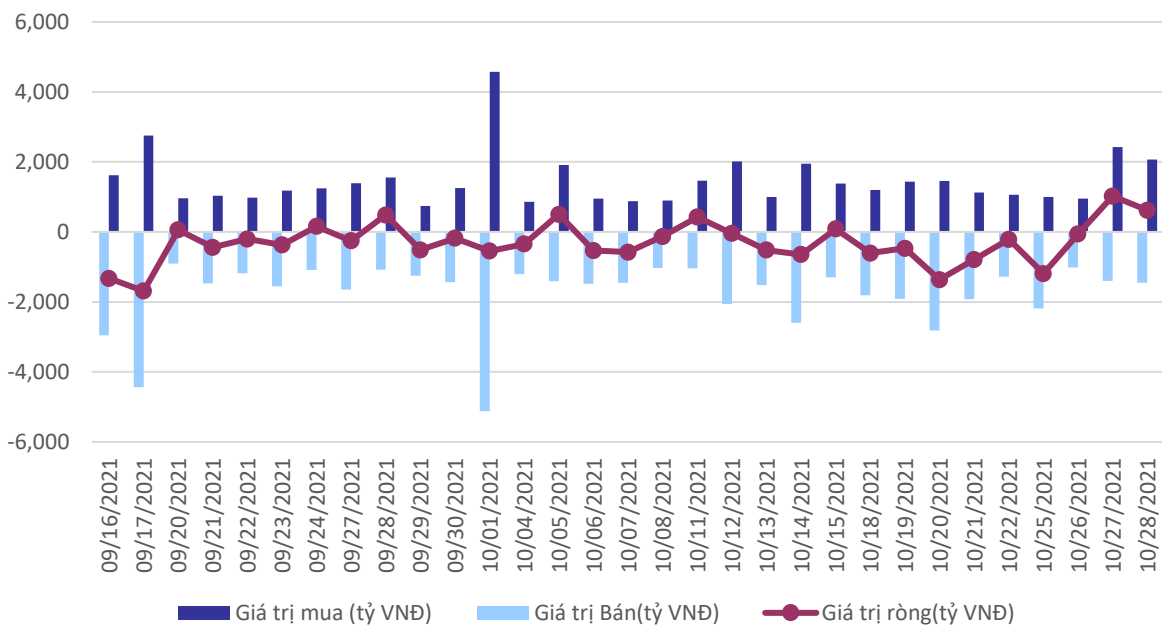


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 621.65 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 23.62 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HPG	194.90	NLG	126.35
GAS	107.29	KBC	40.88
DXG	105.77	VRE	40.25
MSN	104.39	PAN	38.82
VCB	93.62	VNM	37.86

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.gtjai.com.vn		